

# Tư vấn nghề và phân luồng học sinh phổ thông sau trung học

(Báo cáo tại Hội thảo về Tư vấn nghề do ĐHQG Hà Nội tổ chức tháng 01/2005)

PGS.TS. Đặng Danh ánh

Viện trưởng Viện Nghiên cứu, Đào tạo và Tư vấn KHCN

## 1. Thực trạng phân luồng học sinh (PLHS) sau trung học

### 1.1. Quan hệ giữa hướng nghiệp (HN) và PLHS sau trung học theo tinh thần văn kiện ĐH IX của Đảng

Chúng ta đang tiến hành *dịch chuyển cơ cấu kinh tế* trong công nghiệp hoá (CNH). Chúng ta đã chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế: AFTA năm 1995<sup>(1)</sup>, APEC năm 1998<sup>(2)</sup> và đang trong quá trình đàm phán để gia nhập WTO<sup>(3)</sup> vào cuối năm 2005. Năm 2006 hàng rào thuế quan sẽ bị bãi bỏ, lúc đó hàng hoá nước ngoài sẽ tràn ngập thị trường Việt Nam (VN) và hàng hoá VN sẽ được xuất khẩu nhiều hơn sang các nước khác.

Trong điều kiện cạnh tranh cực kỳ khốc liệt và gay gắt đó, đòi hỏi VN phải có *nguồn nhân lực chất lượng cao được bố trí theo cơ cấu hợp lý* để làm ra nhiều sản phẩm tốt, mẫu mã đẹp, giá thành hạ đủ sức cạnh tranh trên thương trường khu vực và quốc tế. Trách nhiệm nặng nề này đặt lên vai ngành giáo dục- đào tạo trong đó *công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh có ý nghĩa cực kỳ to lớn*. Vì lẽ đó, văn kiện Đại hội IX của Đảng đã khẳng định: “*Coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học, chuẩn bị cho thanh thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương*”<sup>(4)</sup>

Như vậy, hướng nghiệp và phân luồng học sinh có quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau, nhưng đó là hai mặt của một quá trình thống nhất vì chúng cùng tác động lên một đối tượng là học sinh nhằm mục đích chung là làm cho cơ cấu đào tạo, cơ cấu nguồn nhân lực phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong công nghiệp hoá. *ở đây hướng nghiệp mà khâu chủ yếu là Tư vấn nghề có vai trò điều chỉnh, uốn nắn động cơ chọn nghề của học sinh sao cho “ăn khớp” với nhu cầu nhân lực của các thành phần kinh tế, “ăn khớp” với các hướng phân luồng đã được Nhà nước định ra ở từng giai đoạn phát triển kinh tế*. Hướng nghiệp và phân luồng học sinh chính là cầu nối giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp, với giáo dục đại học và việc làm. Nói cách khác, hướng nghiệp và phân luồng học sinh là cầu nối giữa người học với thị trường đào tạo và thị trường lao động. Nếu làm tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh ta

(1) AFTA: khu vực mậu dịch tự do ASEAN

(2) APEC: Diễn đàn hợp tác kinh tế châu á- Thái Bình Dương

(3) WTO: Tổ chức thương mại thế giới

(4) Văn kiện Đại hội IX, trang 109

sẽ có cơ cấu đào tạo cân đối, dẫn tới cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý đủ các cấp trình độ, nền kinh tế sẽ phát triển nhanh.

Song, trong nhiều năm qua, *công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông còn yếu kém<sup>(1)</sup> và chưa được quan tâm đúng mức<sup>(2)</sup>*. Đó là điều thừa nhận của Chính phủ trong báo cáo về tình hình giáo dục trong kỳ họp Quốc hội tháng 11/2004 vừa qua, nhưng báo cáo lại không chỉ ra “yếu kém” là ở chỗ nào. Chúng tôi xin minh họa điều đó.

### **1.2. Phân luồng học sinh phổ thông sau trung học:**

#### **a. Phân luồng học sinh sau Trung học cơ sở vào Trung học phổ thông<sup>(3)</sup>**

Nhìn vào số liệu trong 14 năm (từ năm 1990 đến 2004) chúng tôi thấy có *sự tăng đột biến trong việc tuyển mới học sinh sau Trung học cơ sở vào Trung học phổ thông*: từ 136.485 học sinh (40,27%) năm học 1990- 1991 tăng lên 989.747 học sinh (77,4%) năm học 2003-2004<sup>(3)</sup>. Tỷ lệ này tính trung bình trong các trường trung học phổ thông của cả nước, nếu tính riêng ở một số thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh thì tỷ lệ ấy còn cao hơn 80%. Nếu so sánh với các nước có nền kinh tế đang phát triển như ta thì tỷ lệ tuyển mới học sinh sau trung học cơ sở vào trung học phổ thông của Việt Nam là cao nhất, trong khi đó *Trung Quốc* (ở sát ta, có thể chế chính trị giống nhau, cùng đi lên từ một nước nông nghiệp lạc hậu và cùng là các nước đang phát triển) đã làm một cuộc cách mạng trong phân luồng học sinh sau trung học cơ sở rất thành công: từ 90% học sinh sau trung học cơ sở vào trung học phổ thông năm học 1979- 1980 xuống còn 43.3% năm học 1995-1996<sup>(4)</sup>

#### **b. Chỉ tiêu phân luồng học sinh<sup>(5)</sup> sau THCS và THPT vào đào tạo nghề và trung học chuyên nghiệp (THCN) rất thấp<sup>(6)</sup>**

- *Tuyển mới vào đào tạo nghề*: Nếu năm học 1990-1991 tuyển 71.388 học sinh thì năm học 2003-2004 là 164.000 học sinh (7.8%)
- *Tuyển mới vào THCN*: Nếu năm học 1990-1991 tuyển 51.485 học sinh thì năm học 2003-2004 là 142.438 học sinh (7.5%).

Xin lưu ý là: Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm có tăng nhưng tỷ lệ % lại giảm vì tổng số học sinh tốt nghiệp THCS và THPT tăng cao khác nhau. Ví dụ: Nếu năm học 1990-1991 tổng số học sinh tốt nghiệp các cấp chỉ là 527.947 thì năm học 2003-2004 là 2.097.225.

#### **c. Chỉ tiêu Phân luồng học sinh sau THPT<sup>(5)</sup> vào CĐ, ĐH rất cao<sup>(7)</sup>:**

<sup>(1)</sup> Dự thảo 5, báo cáo về tình hình giáo dục của Chính phủ, trang 5 và trang 12

<sup>(2)</sup> : Báo cáo về tình hình GD của Chính phủ tháng 10/2004, trang 10

<sup>(3)</sup>: Nguồn: Bộ GD-ĐT

<sup>(4)</sup> : Sự phát triển GD ở TQ, UBND quốc gia nước CHND Trung Hoa 1997

<sup>(5)</sup> : Tính theo chỉ tiêu tuyển sinh do ngân sách nhà nước cấp kinh phí cho hệ đào tạo dài hạn

<sup>(6)</sup>: Nguồn Bộ GD-ĐT và Tổng cục dạy nghề

<sup>(5)</sup> : Tính theo chỉ tiêu tuyển sinh do ngân sách nhà nước cấp kinh phí cho hệ đào tạo dài hạn

<sup>(5)</sup> : Tính theo chỉ tiêu tuyển sinh do ngân sách nhà nước cấp kinh phí cho hệ đào tạo dài hạn

Nếu năm học 1990-1991 tổng số học sinh tốt nghiệp THPT và bổ túc văn hoá là 189.040, tuyển mới vào CĐ, ĐH là 48.433 (25.6%) thì đến năm học 2003-2004 số liệu tương ứng là 815.913 và 298.975 (36.6%). Như vậy, trong 14 năm qua chỉ tiêu tuyển sinh vào CĐ, ĐH liên tục tăng, năm sau cao hơn năm trước, từ 25.6% /năm lên 36.6% /năm. Đó là tỷ lệ quá cao, chứ không phải là 5-6%, như một vài người đã nêu trên báo chí. Khi bước vào CNH (năm 1960) như ta hiện nay, Nhật bản có 4 triệu học sinh trung học thì 1.8 triệu là học sinh học nghề, CHLB Đức cứ 10 học sinh THPT thì có 8 học sinh học nghề.

### **1.3. Nhận xét:**

Chính sách phân luồng học sinh như đã nêu trên cho chúng ta thấy:

*Một là, có sự bất hợp lý trong cơ cấu phân luồng học sinh sau THCS vào THPT (77.4%) so với đào tạo nghề (7.8%).* Hậu quả là:

- Tạo ra “sức ép tâm lý” rất lớn đối với học sinh, phụ huynh học sinh và toàn xã hội khi các kỳ thi cao đẳng, đại học hàng năm đến gần.

- Gây ra tình trạng “quá tải” và các cuộc “chạy đua” vào cao đẳng, đại học. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản nảy sinh tình trạng “*dạy thêm, học thêm tràn lan*” trong nhiều năm qua.

*Hai là, về mặt kinh tế, các cuộc “chạy đua” vào cao đẳng, đại học đã gây tổn kém kinh phí không chỉ đối với Nhà nước mà còn đối với nhân dân nữa.* Riêng năm 2001 Nhà nước chi 134,4 tỷ đồng cho 178 trường CĐ, ĐH làm công tác tuyển sinh. Việc ăn, ở, đi lại, của 2.1 triệu thí sinh và gia đình ước tính 1000 tỷ đồng. Bắt đầu từ năm 2002, công tác tuyển sinh được đổi mới theo phương án “*ba chung*” thì chi phí cho thi cử có đỡ đi đôi chút.

*Ba là, đa số các ngành đào tạo trong trường THCN và các nghề trong trường Dạy nghề chỉ cần tuyển học sinh sau THCS, nhưng vì học sinh sau THPT thừa nhiều thì các trường THCN và Dạy nghề không “*dại gì*” mà không tuyển học sinh sau THPT.* Như vậy, số học sinh đã tốt nghiệp THCS không được vào THPT (25% hàng năm) sẽ không có cơ hội học tiếp các trường THCN, dạy nghề và cũng không có cơ hội tự kiếm việc làm. Các hiện tượng tiêu cực từ đó mà ra.

*Bốn là, có sự bất hợp lý trong cơ cấu tuyển học sinh sau THPT vào CĐ, ĐH (36.6%) so với đào tạo nghề (7.8%).* Hậu quả là: sự mất cân đối trầm trọng trong cơ cấu tuyển sinh, sẽ dẫn tới mất cân đối trong cơ cấu đào tạo và tất yếu dẫn tới mất cân đối trong cơ cấu nguồn nhân lực. Ví dụ:

+ *Về quy mô tuyển sinh*<sup>(1)</sup>: CĐ, ĐH tăng 8 lần, từ 37.404 sinh viên năm học 1986-1987 lên 298.975 sinh viên năm học 2003-2004, trong khi đó đào tạo nghề chỉ tăng 3 lần, từ 53.000 học sinh năm học 1986-1987 lên 164.000 học sinh năm học 2003-2004.

---

<sup>(7)</sup>: Nguồn Bộ GDĐT

<sup>(1)</sup> Nguồn: Bộ GD-ĐT và Tổng cục dạy nghề

+ Về quy mô đào tạo<sup>(1)</sup>: CĐ, ĐH tăng 9 lần, từ 127.000 sinh viên năm học 1986-1987 lên 1.131.030 sinh viên năm học 2003-2004, trong đó khi đào tạo nghề chỉ tăng 2 lần từ 120.000 học sinh năm học 1986-1987 lên 246.000 học sinh năm học 2003-2004.

+ Về cơ cấu nguồn nhân lực: ở giai đoạn đầu CNH, trên thế giới người ta bố trí cơ cấu nguồn nhân lực theo hình tháp 1/4/10 (đối với khu vực dịch vụ), còn đối với khu vực công nghiệp được bố trí là: 1ĐH + 4THCN + 60 CNKT lành nghề + 20CNKT bán lành nghề + 15 lao động phổ thông. Cơ cấu tuyển sinh, cơ cấu đào tạo phải tuân theo hình tháp đó. Nhưng trong nhiều năm qua, cơ cấu đào tạo của ta lại phát triển theo hình tháp “lật ngược” như đã nêu trên. Vì thế, chúng ta vẫn chưa thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn “thầy nhiều hơn thợ”.

Qua thực trạng nêu trên, chúng ta thấy nổi lên mối quan hệ giữa chưa có một chiến lược và quy hoạch phát triển GD-ĐT với kế hoạch hoá nguồn nhân lực dài hạn đủ căn cứ khoa học. Sự bất bình đẳng và phân biệt đối xử giữa đào tạo nghề với GDPT và GDDH không hề thuyên giảm. Các cấp bộ Đảng, Chính quyền và toàn xã hội chưa nhận thức được vị trí và tầm quan trọng của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế và xã hội. Tâm lý học để đi thi, học để “làm quan” không thích làm thợ còn rất nặng nề trong nhân dân ta, đặc biệt là trong học sinh và phụ huynh học sinh. Nét tâm lý này cũng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hoạch định chính sách đào tạo, đặc biệt là chính sách phân luồng học sinh. Tất cả những điều đó nói lên rằng, công tác hướng nghiệp còn rất yếu kém, chưa làm tốt nhiệm vụ chuẩn bị nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá.

## 2. Vài nét về hướng nghiệp trong trường phổ thông

Theo quan điểm mới<sup>(2)</sup>, dưới góc độ tâm lý học, hướng nghiệp giờ đây không chỉ gắn với khâu chọn nghề của học sinh trường phổ thông mà còn gắn với khâu thích ứng nghề ở bất kỳ trường chuyên nghiệp nào (dạy nghề, THCN, CĐ, ĐH) và tại các cơ sở sản xuất kinh doanh- nơi các em đến làm việc sau khi tốt nghiệp. Nếu hiểu như vậy, công tác hướng nghiệp không chỉ được tiến hành ở tất cả các loại trường học mà còn thực hiện ở các cơ quan, các cơ sở sản xuất kinh doanh; không chỉ tiến hành với thế hệ trẻ mà còn tiến hành với cả người lớn tuổi không có nghề hoặc vì lý do nào đó phải thay đổi nghề, lúc đó phải hướng nghiệp lại lần thứ hai, thứ ba. Nói cách khác, hướng nghiệp được bắt đầu từ khi học sinh đến trường (trọng tâm là trường THCS, THPT) đến khi các em có một nghề trong tay.

Mục tiêu chủ yếu của hướng nghiệp là phát hiện và bồi dưỡng tiềm năng sáng tạo của cá nhân, giúp họ hiểu mình và hiểu yêu cầu của nghề, chuẩn bị cho thanh thiếu niên sự sẵn sàng tâm lý đi vào những nghề mà các thành phần kinh tế đang cần nhân lực, trên cơ

(1) Nguồn: Bộ GDĐT và Tổng cục Dạy nghề

(2) Đặng Danh ánh: Quan điểm mới về hướng nghiệp và hướng nghiệp trong trường phổ thông. Tạp chí Giáo dục số 38 và số 42, tháng 10/2002.

sở bảo đảm sự phù hợp nghề. Không có sự phù hợp nghề thì không thể nói tới sự sẵn sàng tâm lý được.

Hướng nghiệp được tiến hành qua 4 giai đoạn: *giáo dục nghề, tư vấn nghề, tuyển chọn nghề, thích ứng nghề*. Trách nhiệm chính ở 2 giai đoạn đầu là nhà trường phổ thông, còn 2 giai đoạn cuối là trách nhiệm của các trường DN, THCN, CĐ, ĐH. Nhưng các trường đại học và chuyên nghiệp phải giúp trường phổ thông làm công tác hướng nghiệp, đây là chưa muốn nói tới trách nhiệm của toàn xã hội (*xem sơ đồ hướng nghiệp*).

Cần nhấn mạnh rằng, *giáo dục nghề* được thực hiện thông qua 4 con đường: qua chương trình hướng nghiệp chính khoá, qua các môn khoa học cơ bản, qua môn công nghệ và lao động sản xuất, qua tham quan, sinh hoạt ngoại khoá (*xem sơ đồ: nhiệm vụ tổng quát của giáo viên trong công tác hướng nghiệp*). Dù qua con đường nào cũng đều hướng tới một mục đích chung là hình thành hứng thú, khuynh hướng và năng lực nghề cho học sinh. Tư vấn nghề chỉ có thể đạt được kết quả tốt đẹp khi biết được học sinh có hứng thú, khuynh hướng về lĩnh vực ngành nghề nào, có năng lực làm được nghề gì. Như vậy, *giáo dục nghề* đã tạo ra tiền đề “vật chất” ban đầu cho tư vấn nghề.

### 3. Tư vấn chọn nghề cho học sinh phổ thông

**3.1. Khoản 1, điều 20 Bộ luật Lao động** của nước ta đã ghi “*Mọi người có quyền tự do chọn nghề và học nghề phù hợp với nhu cầu việc làm của mình*”<sup>(1)</sup>. Vì thế mỗi thanh thiếu niên có quyền lựa chọn con đường vào đời, vào nghề một cách tự nguyện tự giác mà xã hội dành cho mình. Việc chọn nghề vô cùng quan trọng, người ta ví nó như là “*ngày sinh lần thứ hai*” của con người vì nếu chọn nghề phù hợp với sở trường, năng lực của bản thân thì con người sẽ phấn khởi, hăng say và sáng tạo trong lao động, từ đó hiệu quả và năng suất lao động sẽ cao; còn nếu chọn nghề không đúng thì con người sẽ buồn chán, không tập trung tư tưởng, tai nạn lao động dễ xảy ra, năng suất lao động giảm... cuối cùng xin chuyển nghề hoặc bỏ nghề, gây thiệt hại về mặt kinh tế không chỉ cho xã hội mà còn cho cả cá nhân nữa. Rõ ràng là, *lợi ích kinh tế của xã hội và lợi ích kinh tế, tinh thần (tâm lý) của cá nhân được hội tụ tại khâu chọn nghề*. Rất tiếc là, nhiều người chưa nhận thức được tầm quan trọng này.

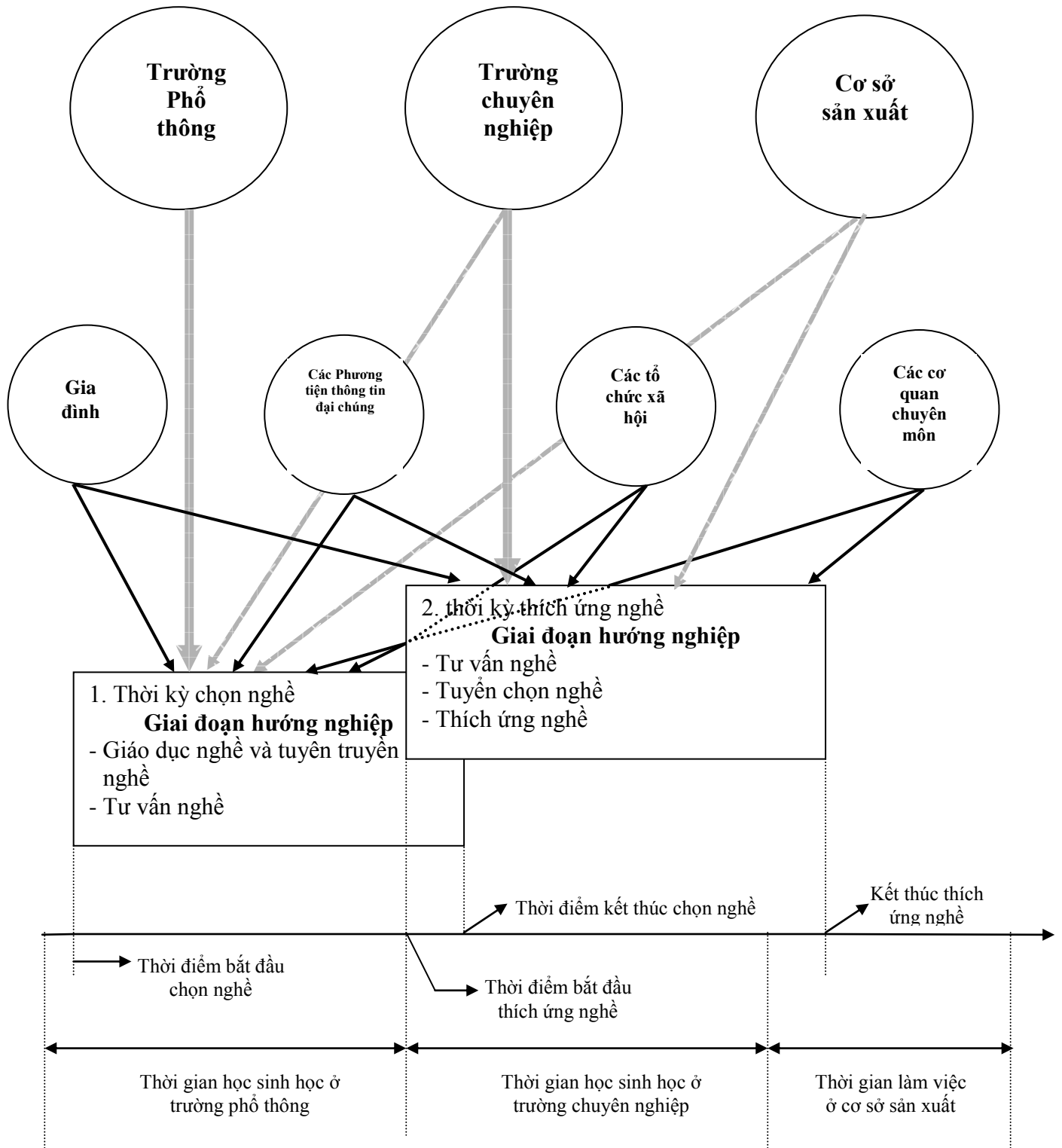
Đại đa số học sinh phổ thông sau trung học của chúng ta không đánh giá được năng lực của mình, cũng không biết rõ mình thích nghề gì. Những câu hỏi: đi đâu ? học trường nào? làm nghề gì? sau khi tốt nghiệp THCS, THPT thường là những phương trình có nhiều ẩn số, là những câu hỏi gay gắt khó giải đáp nhất. *Các em đó đang cần được tư vấn chọn nghề*. Mặt khác một số học sinh đã bước vào trường chuyên nghiệp mới vỡ lẽ rằng: “*mình chọn nhầm nghề*”. Cuộc thăm dò ý kiến 700 học sinh học nghề cho thấy: 12% thờ ơ với nghề đang học, 17.4% muốn chuyển nghề<sup>(2)</sup>. Tất cả những điều trình bày trên cho thấy: tư vấn chọn nghề cho học sinh phổ thông là vấn đề cần thiết và rất cấp bách.

<sup>(1)</sup> Bộ Luật Lao động của nước CHXHCNVN (đã sửa chữa), thang 146, NXB Chính trị Quốc gia, 2002.

<sup>(2)</sup> Đặng Danh Ánh: Tài liệu điều tra năm 1996. Viện Nghiên cứu, Đào tạo và Tư vấn Khoa học công nghệ.

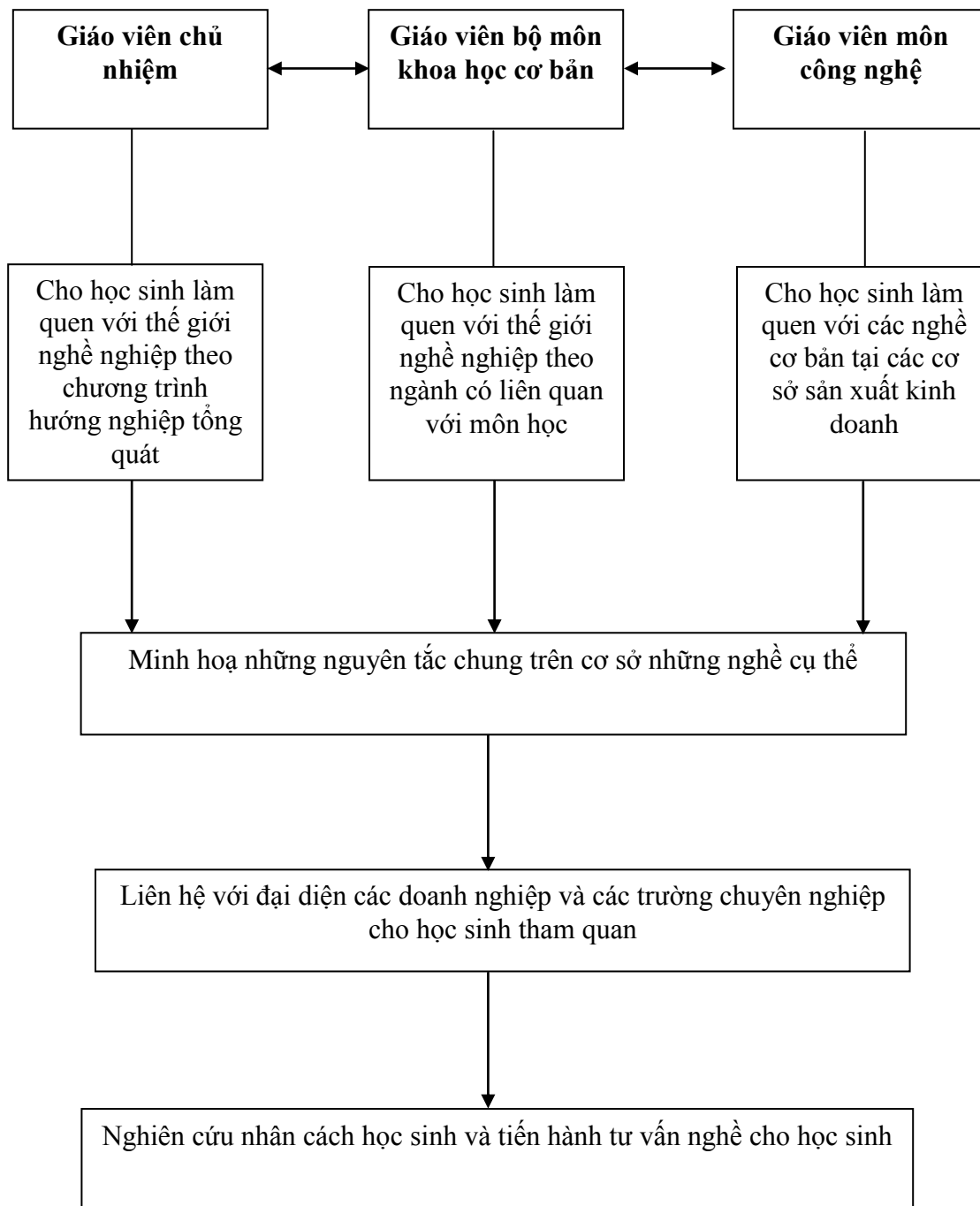
*Tư vấn chọn nghề được hiểu là hệ thống các biện pháp tâm lý- giáo dục và y học nhằm phát hiện và đánh giá nhân cách của học sinh, giúp các em chọn nghề trên cơ sở khoa học. Nói cách khác, tư vấn chọn nghề là việc đối chiếu yêu cầu của nghề, yêu cầu của thị trường lao động với hứng thú, khuynh hướng và năng lực của học sinh, rồi cho các em lời khuyên nên học nghề nào thì phù hợp.*

## Phần 2: Sơ đồ hướng nghiệp



Bi chú: → biểu thị quá trình phát triển nghề nghiệp của con người

**Nhiệm vụ tổng quát của giáo viên phổ thông  
trong công tác hướng nghiệp**





### **3.2. Điều kiện để chọn nghề đúng**

Tiêu chuẩn cơ bản của việc chọn nghề đúng là sự kết hợp hài hoà giữa 2 nhóm yếu tố: khách quan và chủ quan. Các nhóm yếu tố này liên kết chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau:

#### *a. Nhóm các yếu tố khách quan:*

Một là, các đặc điểm và yêu cầu của nghề gồm đối tượng lao động, công cụ lao động, nội dung lao động, các yêu cầu về tâm-sinh lý, chống chỉ định y học, nơi đào tạo, thời gian đào tạo, tiền lương khi đi làm. Cần lưu ý đặc biệt đến các yêu cầu về tâm-sinh lý của nghề vì chúng đòi hỏi người hành nghề phải có để hoàn thành được công việc. Đó là:

+ Những yêu cầu về sinh lý-y tế: chiều cao, cân nặng, khả năng chịu đựng, sức bền bỉ dẻo dai, nhanh nhạy của các giác quan hoặc mắt mù, nhìn kém, bệnh mù màu, tai điếc...

+ Những yêu cầu về năng lực trí tuệ chung: chú ý, trí nhớ, tư duy, ngôn ngữ, tưởng tượng không gian... và năng lực chuyên biệt.

+ Những yêu cầu về kỹ xảo vận động, kỹ xảo về trí tuệ, kỹ xảo giao tiếp và kỹ xảo cảm giác- vận động, sự phối thuận thực các động tác, sự khéo tay.

+ Những yêu cầu về nhân cách: hứng thú, khuynh hướng, khí chất, tính cách và năng lực...

Hai là, nhu cầu nhân lực của thị trường lao động: nhu cầu nhân lực của quốc gia, của địa phương và của hội nhập kinh tế quốc tế...

#### *b. Nhóm các yếu tố chủ quan, đó là các yếu tố thuộc chủ thể chọn nghề gồm:*

+ Tình trạng sức khoẻ và các giác quan

+ Những năng lực trí tuệ chung và năng lực chuyên biệt

+ Khả năng vận động và phối hợp các động tác

+ Những mặt biểu hiện của nhân cách: động cơ nghề nghiệp, thái độ đối với lao động, hứng thú, khuynh hướng và năng lực nghề nghiệp, tính cách và khí chất...

Nhà tư vấn phải đối chiếu yếu tố khách quan và chủ quan, rồi cho lời khuyên nên chọn nghề nào thì phù hợp.

### **3.3. Yêu cầu kiến thức đối với nhà tư vấn**

Tư vấn chọn nghề là công việc rất phức tạp, đòi hỏi nhà tư vấn phải có hiểu biết rộng và phải nắm vững các loại thông tin chủ yếu sau đây:

- Thông tin về “thế giới nghề nghiệp” theo phân loại nghề. Để khái quát và dễ chọn nghề người ta áp dụng phân loại nghề theo đối tượng lao động. Theo cách này ta có 5 loại: người- người, người-tự nhiên, người-kỹ thuật, người- dấu hiệu, người- nghệ thuật. Đồng thời phải biết thông tin về các đặc điểm và yêu cầu của một nghề cụ thể, trong đó phải lưu ý đặc biệt đến các yêu cầu về tâm-sinh lý và các chống chỉ định y học của nghề.

- Thông tin về hệ thống trường đào tạo từ dạy nghề đến THCS, THPT, ĐH. Phải lưu ý tới số lượng tuyển sinh hàng năm cho từng khối trường, dự báo kế hoạch đào tạo dài hạn 5 năm, 10 năm sau (trong chiến lược giáo dục), đồng thời phải nắm được mục tiêu đào tạo, nội dung, thời gian đào tạo của từng ngành nghề trong trường, bậc lương và nơi sử dụng sau khi tốt nghiệp.
- Thông tin về thị trường lao động: đây là những thông tin về nhu cầu sử dụng nhân lực các loại của tỉnh, thành phố và trung ương trong năm kế hoạch, nhu cầu sử dụng nhân lực các loại cho các vùng kinh tế trọng điểm, khu công nghiệp, khu chế xuất và cho các loại doanh nghiệp và liên doanh của các thành phần kinh tế khác.
- Thông tin về học sinh- chủ thể chọn nghề gồm: tên, tuổi, giới tính, lớp, kết quả học tập, chỗ ở, hoàn cảnh gia đình (bố mẹ, nghề nghiệp), bạn bè thân thích, đặc biệt phải nắm thông tin về nhân cách của học sinh trước hết là hứng thú, khuynh hướng và năng lực.

Những thông tin trên là căn cứ để nhà tư vấn giúp học sinh chọn nghề.

### **3.4. Các loại tư vấn chọn nghề:**

Tư vấn chọn nghề cho học sinh phổ thông thường có 2 loại:

- a. *Tư vấn sơ bộ:* loại này đơn giản có thể thực hiện ở nhiều trường vì không đòi hỏi phải có thiết bị, các phương tiện kỹ thuật. Chẩn đoán những phẩm chất nhân cách của học sinh cũng không cần đòi hỏi phải có đội ngũ chuyên gia tư vấn có tay nghề cao, am hiểu sâu sắc các lĩnh vực tâm –sinh lý, giáo dục học, y học, kinh tế học. ở đây giáo viên (chủ nhiệm hoặc bộ môn) đóng vai trò “nhà tư vấn” cần có những hiểu biết về yêu cầu của một số ngành nghề ở một số trường hoặc ở địa phương, về nhu cầu nhân lực, về năng lực của học sinh, từ đó cho học sinh lời khuyên nên học nghề gì và học ở đâu. Hoặc là qua những điều giảng giải của thầy để học sinh tự trả lời được ba câu hỏi: *Em có muốn (thích) học nghề đó không? Em có khả năng làm nghề đó không? Và xã hội, địa phương có cần nghề đó không?*
- b. *Loại tư vấn chuyên sâu:* Loại này phức tạp vì việc tư vấn được tiến hành trên cơ sở khoa học thực sự, bảo đảm độ chính xác cao nhờ một số máy móc hiện đại (ví dụ máy đo độ chính xác của các cử động, sự khéo léo vận động của 2 tay...). Điều kiện để có loại tư vấn chuyên sâu là phải có *đội ngũ chuyên gia tư vấn được đào tạo có tay nghề cao* gồm các nhà tâm lý học, giáo dục học, kinh tế học, bác sĩ có kinh nghiệm thực tế. Họ phải được huấn luyện nghiêm chỉnh để có kiến thức rộng về các mặt: tâm lý học phát triển, tâm lý học lao động, tâm lý học trẻ có tật; kiến thức về thế giới nghề nghiệp, *về yêu cầu của nghề, về nhân cách, trước hết về động cơ, hứng thú, khuynh hướng và năng lực*

*nghề nghiệp của học sinh, về kinh tế, về nhu cầu phát triển nhân lực của các ngành kinh tế quốc dân và của địa phương. Đặc biệt phải có kiến thức sâu sắc về hướng nghiệp, tư vấn chọn nghề, kỹ thuật tư vấn, biết sử dụng thành thạo các phương pháp TEST để chẩn đoán khả năng trí tuệ, khả năng vận động và nhân cách của học sinh.* Đương nhiên, kèm theo các phương pháp này là những máy móc, thiết bị, những phương tiện kỹ thuật có thể là đơn giản, có thể là phức tạp nhưng rất đắt tiền. Vì vậy, khi có điều kiện nên xây dựng ở mỗi quận, huyện, hoặc mỗi tỉnh thành phố một trung tâm tư vấn chuyên sâu chứ không thể xây dựng ở tất cả gần 12.013 trường THCS và THPT được.

#### **4. Kiến nghị một số giải pháp**

##### **4.1. Cần tạo ra nhiều hướng phân luồng sau THCS:**

*Một là, thực hiện “kỹ thuật hoá THPT” bằng cách khôi phục lại loại trường trung học kỹ thuật (công nghiệp hoặc nông nghiệp) nhằm tạo ra những học sinh vừa có trình độ văn hoá THPT, vừa có kỹ năng thực thành tối thiểu để cung cấp “đầu vào” cho khối các trường CĐ, ĐH kỹ thuật.*

*Hai là, thực hiện “dạy nghề hoá THPT” bằng cách khôi phục lại trường trung học nghề (đã bị đưa ra khỏi luật giáo dục năm 1998) nhằm tạo ra đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, vừa có trình độ văn hoá PTTH, vừa có tay nghề cao phục vụ cho công nghiệp hoá và cũng tạo “đầu vào” cho các trường CĐ, ĐH kỹ thuật. Làm được như vậy, chẳng những đất nước ta có được đội ngũ kỹ sư thực hành giỏi mà thời gian đào tạo ở ĐH có thể được rút ngắn.*

Việc khôi phục hai loại trường trên sẽ có lợi nhiều mặt: giảm áp lực thi vào CĐ, ĐH; chuẩn bị được đội ngũ công nhân kỹ thuật có trình độ văn hoá THPT để tiếp cận nền kinh tế tri thức; tạo cơ hội cho những học sinh sau THCS được tiếp tục học tập, từ đó giảm tệ nạn xã hội; thực hiện được nguyên lý “học đi đôi với hành, giáo dục gắn với lao động sản xuất”; đây cũng là con đường để thực hiện phổ cập THPT trong tương lai.

Như vậy, ngoài loại hình trường THPT, THCS, Dạy nghề hiện có thì sẽ có thêm 2 loại hình trường sau THCS. Đây là “*bước đột phá*” trong cải cách hệ thống giáo dục quốc dân sắp tới.

**4.2. Cần huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội vào công tác hướng nghiệp,** đặc biệt là các phương tiện thông tin đại chúng, làm cho thế hệ trẻ và toàn thể nhân dân nhận thức được rằng, nghề nào cũng đáng quý, đáng trọng và đại học không phải là con đường duy nhất để vào đời. Trong khi số lượng học sinh vào ĐH, CĐ có hạn thì *đào tạo nghề phải là hướng phân luồng chủ yếu.* Muốn vậy, đề nghị Chính phủ có nghị quyết riêng về công tác hướng nghiệp và tư vấn nghề như nghị quyết 126/CP ngày 19/03/1981, buộc tất cả các cấp các ngành từ trung ương đến địa phương phải thi hành.

**4.3. Công tác tư vấn nghề** của Việt nam còn rất sơ khai, thiếu cơ sở lý luận, không có cơ sở vật chất kỹ thuật, không có đội ngũ chuyên gia tư vấn được đào tạo nghiêm chỉnh, không có phương pháp và kỹ thuật tư vấn. Vì vậy, Nhà nước cần xây dựng một *trung tâm đào tạo chuyên gia hướng nghiệp và tư vấn nghề* có tầm cỡ quốc gia, quốc tế với sự trợ giúp của nước ngoài.

Chúng tôi hiểu rằng, những điều nêu ra trong báo cáo này chỉ là vài nét chấm phá trong một bức tranh rộng lớn. Nhưng vì ba vấn đề đó là ba vấn đề rất bức xúc đang được xã hội quan tâm. Nếu giải quyết tốt sẽ góp phần khắc phục những yếu kém mà ngành GD-ĐT đang vấp phải, hệ thống giáo dục sẽ gắn với phát triển kinh tế, đáp ứng được nhu cầu nhân lực trong CNH.